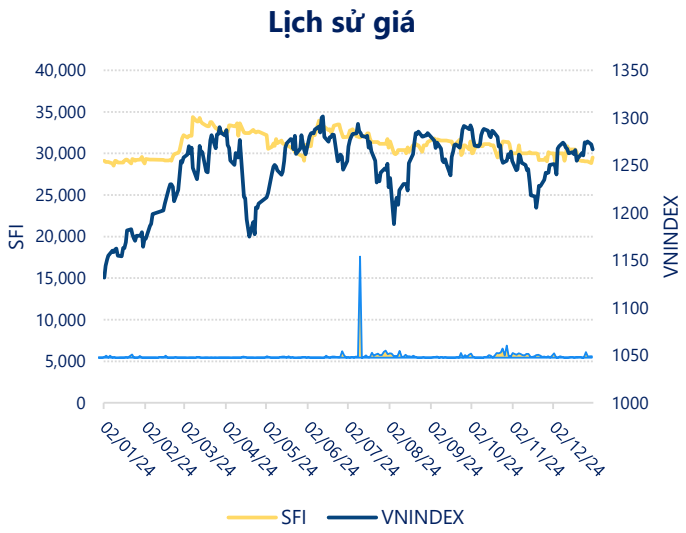
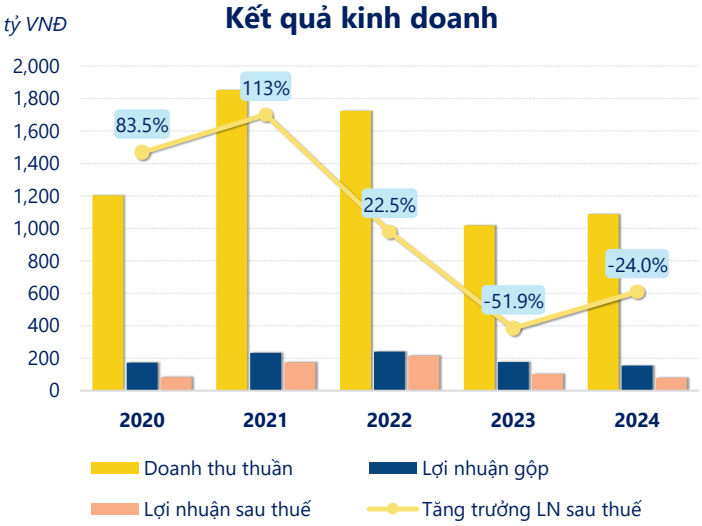
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	30,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.7%	-1.8%	-4.8%

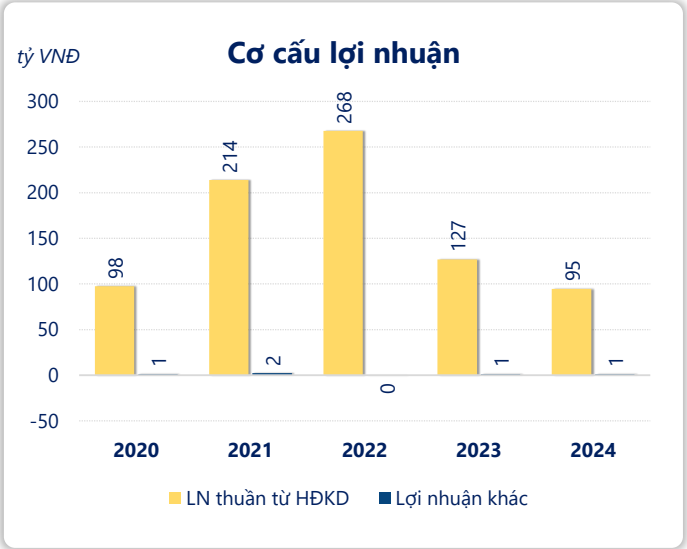
	2024	YoY
DT thuần	1,088 *tỷ VNĐ*	▲ 70.0 ▲ 6.9%
LN gộp	155 *tỷ VNĐ*	▼ 21.0 ▼ 11.9%
LN thuần	94.6 *tỷ VNĐ*	▼ 32.4 ▼ 25.5%
LN sau thuế	78.4 *tỷ VNĐ*	▼ 24.6 ▼ 24.0%
ROE	10.5%	+/- YoY ▼ 2.2%
ROA	8.7%	+/- YoY ▼ 1.5%

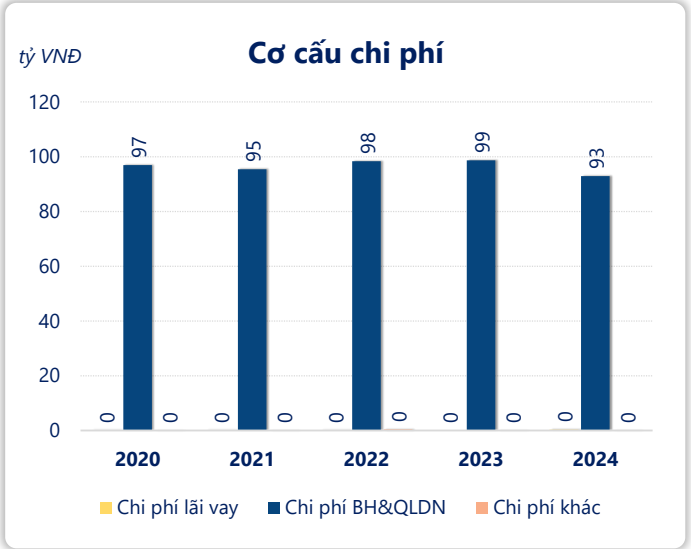




Năm **2024**, **SFI** ghi nhận doanh thu thuần **1,088** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **78.38** tỷ đồng, lần lượt **tăng 6.90%** và **giảm 24.0%** so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **10.5%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

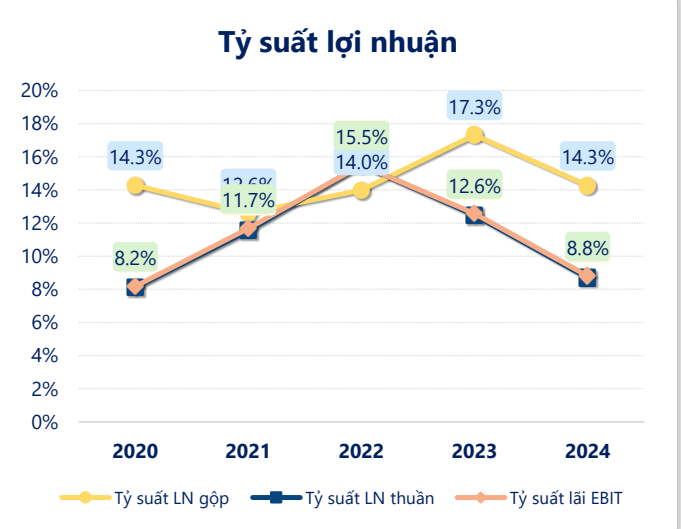


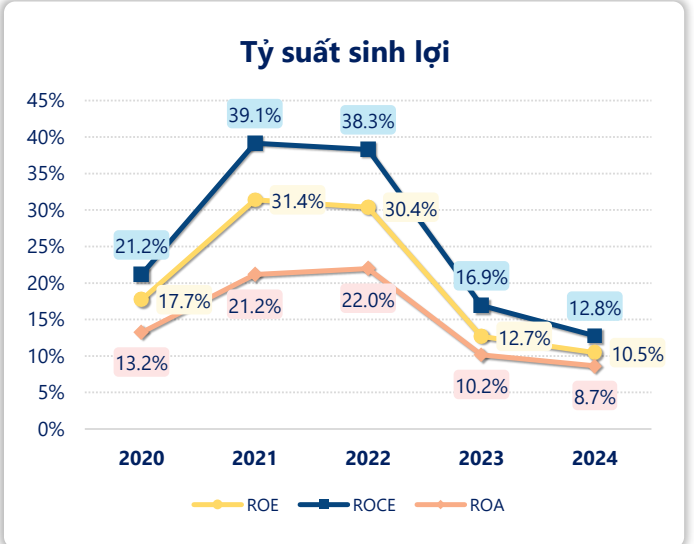


Năm **2024**, **SFI** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **94.60** tỷ đồng, **giảm đi 32.33** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (160.1 tỷ đồng) là 65.53 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

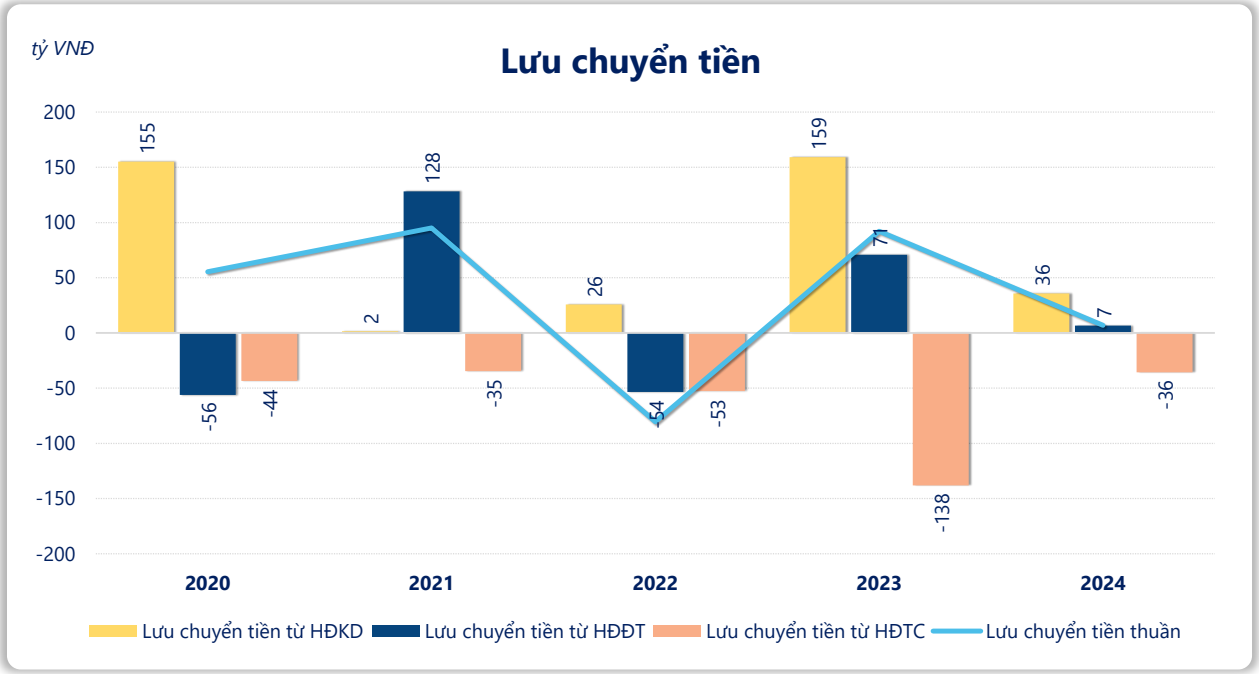
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **0.30** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **92.84** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.01** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của SFI năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **10.5%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**1,203**	**1,852**	**1,724**	**1,018**	**1,088**
Giá vốn hàng bán	1,031	1,618	1,483	841	933
Lợi nhuận gộp	**172**	**234**	**241**	**176**	**155**
Doanh thu HĐTC	16.9	76.5	134	51.6	30.9
Chi phí TC	-5.07	0.92	6.17	4.84	4.40
Chi phí lãi vay	**0.00**	**0.01**	**0.00**	**0**	**0.30**
LN trong công ty LKLD	0.74	0.21	-3.25	2.61	5.73
Chi phí bán hàng	77.7	76.0	75.2	75.0	71.1
Chi phí QLDN	19.3	19.3	23.1	23.7	21.7
LN thuần từ HĐKD	**97.6**	**214**	**268**	**127**	**94.6**
Lợi nhuận khác	0.85	2.12	-0.30	0.92	0.81
LN trước thuế	**98.4**	**216**	**267**	**128**	**95.4**
Lợi nhuận sau thuế	**82.3**	**175**	**214**	**103**	**78.4**
LNST của CĐ cty mẹ	**82.1**	**173**	**212**	**95.9**	**78.4**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SFI bằng **6.76** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (91.96 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **35.72** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **6.64** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-35.60** tỷ đồng.